

Số: 48/2026/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 58/2026/TLST- DS ngày 02/4/2026 về việc: “*Tranh chấp về quyền quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Lê Tường M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tập thể nhà máy B, Xã T, Thành phố Hà Nội.

1.2. Bị đơn: ông Lê Trọng S, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn N (nay là thôn T), Xã N, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Phố N, Xã N, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn B (nay là thôn T), Xã N, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Lê Trọng T1, sinh năm 1963.

+ Chị Lê Thị L1, sinh năm 1979.

+ Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1951.

Đều có địa chỉ: Thôn N (nay là thôn T), Xã N, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Vũ Thị D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tập thể nhà máy B, Xã T, Thành phố Hà Nội.

+ Ông Lê Trọng D1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn N (nay là thôn T), Xã N, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1 là: ông Lê Tường M, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tập thể nhà máy B, Xã T, Thành phố Hà Nội. *(Theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2026).*

+ Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Hoàng T2 – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: xã N, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2 là: Ông Khương Văn D2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã N. *(Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng dân sự số 968/QĐ –UBND ngày 08/5/2026).*

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về phân diện tích đất tranh chấp:

Ông Lê Trọng S đồng ý trả lại cho ông Lê Tường M một phân diện tích là 97.9 m² đất *(theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/6/2026: diện tích hiện trạng đo thực tế thửa đất là 333,4 m², phân diện tích 97.9 m² được giới hạn tại các điểm B,C,D,G tại sơ đồ thửa đất kèm theo)* tại thửa đất số 197 (Bản đồ năm 2002), tờ bản đồ số 23, diện tích 332 m², (Hiện nay là thửa số 274 (Bản đồ 2018), tờ bản đồ số 21); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 391449; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02567-1926/QĐ-UB do UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên cấp cho ông Lê Trọng S và bà Bùi Thị Đ tại Thôn N (nay là thôn T), xã N, tỉnh Hưng Yên.

Về tài sản trên đất: Các đương sự tự thỏa thuận, tự tháo dỡ các công trình trên đất và điều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Các đương sự có trách nhiệm phối hợp với nhau đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định của Tòa án và theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị L1 về việc tự nguyện không yêu cầu gia đình ông Lê Tường M phải trả số tiền sửa chữa tài sản mà chị đã bỏ ra.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ.

2.5. Ông Lê Tường M thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.6. Về án phí: Lê Tường M và ông Lê Trọng S đều đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các **Điều 6, Điều 7 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.**

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;*
- *THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đinh Thị Vân Anh